

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC

Bản án số: 12/2024/HS-PT
Ngày 16 tháng 01 năm 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Mạnh và bà Lê Thị Bích Ngọc.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nông Xuân Trúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vinh Phúc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc tham gia phiên toà:**
Bà Bùi Thị Kim Tuyến - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 151/2023/TLPT-HS ngày 27 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo Trần Thị S và Nguyễn Văn N do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2023/HS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Trần Thị S** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1985 tại tỉnh Vinh Phúc; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Vinh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Chí Đ và bà Trần Thị Đ1; có chồng là Tạ Minh Đ2 và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, (vắng mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn N** (tên gọi khác: Không) sinh năm 1985 tại tỉnh Vinh Phúc; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Vinh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Trần Thị D và có 02 (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

- **Bị hại có kháng cáo:** Chị Lưu Thị T, sinh năm 1992; trú tại: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Vinh Phúc, (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chị Lưu Thị T và anh Tạ Minh Đ2 đều có gia đình riêng nhưng có quan hệ tình cảm lén lút với nhau từ năm 2019. Chị T và anh Đ2 có nhiều lần quan hệ tình dục với nhau, trong quá trình quan hệ đã dùng điện thoại di động tự quay và chụp ảnh khỏa thân gửi cho nhau qua tin nhắn Zalo rồi cả hai đều tự xóa video và ảnh. Buổi tối 22/5/2022, chị T dùng điện thoại di động của mình tự quay 01 đoạn video chị T khỏa thân trong buồng tắm tại nhà chị T có thời lượng 01 phút 55 giây rồi gửi đoạn video trên qua tin nhắn zalo từ tài khoản “Lưu Tuyết” của chị T đến tài khoản zalo “Tạ Minh Đ2” của anh Đ2 để cho anh Đ2 xem. Sau đó chị T xóa tin nhắn và đoạn video trên máy điện thoại của T, còn anh Đ2 sau khi nhận được video trên đã xem và lưu giữ trên tin nhắn zalo để thi thoảng xem lại. Ngày 29/5/2022, anh Đ2 đi vắng để quên điện thoại ở nhà, Trần Thị S (là vợ của anh Đ2) xem điện thoại của anh Đ2 đã phát hiện 01 đoạn video một người phụ nữ khỏa thân trong nhà tắm, chị S nhận ra người phụ nữ trong đoạn video là chị T, do trước đó S đã nghi ngờ anh Đ2 và chị T có quan hệ bất chính với nhau nên S đã tự chuyển đoạn video từ điện thoại của anh Đ2 đến tài khoản zalo “Sen T1” của S (đăng nhập trên điện thoại Samsung) và lưu đoạn video đó về điện thoại. Tiếp đó S chuyển đoạn video trên từ tài khoản zalo “Sen T1” đến tài khoản zalo “Nhà Vườn Thu Giang” của S (đăng nhập trên điện thoại OPPO). Đến ngày 30/5/2022, S dùng tài khoản messenger “Đức Dũng” của S (đăng nhập trên điện thoại S1) gửi đoạn video trên đến tài khoản messenger “Lan N1” của chị Nguyễn Thị L (là chị dâu của T) và dùng tài khoản zalo “Nhà Vườn Thu G” (đăng nhập trên điện thoại OPPO) gửi đoạn video đến tài khoản zalo “Hahuydung” của chị Trần Thị D (là em gái của S). Sau khi nhận được đoạn video khỏa thân của chị T, chị L đã thông báo cho chị T biết và không chia sẻ đoạn video trên cho bất cứ ai; còn chị D nói chuyện với Nguyễn Văn N (là chồng của D) về việc S nghi ngờ anh Đ2 và chị T có quan hệ bất chính với nhau nên S gửi đoạn video chị T tắm khỏa thân nhờ chị D lưu giữ hộ (D không cho N xem đoạn video trên). Đến buổi tối cùng ngày, khi chị D đang làm việc nhà và để điện thoại của chị D trong phòng ngủ thì N tự lấy điện thoại của chị D xem và chuyển đoạn video chị T khỏa thân về tài khoản zalo “Lan var Q1” (đăng nhập trên điện thoại OPPO màu xanh) của N và từ tài khoản zalo “L var Quốc A” gửi đoạn video trên đến tài khoản zalo “Vạn Sự Hữu Duyên” (đăng nhập trên điện thoại OPPO màu bạc) của N, N lưu đoạn video về điện thoại rồi xóa tin nhắn trên điện thoại chị D, không nói cho chị D biết. Đến khoảng 16 giờ ngày 31/5/2022, anh Triệu Văn H1 đến nhà N chơi. Tại đây, N cho anh H1 xem đoạn video khỏa thân của chị T và dùng tài khoản messenger của mình là “Nguyễn Văn N” (đăng nhập trên điện thoại OPPO màu bạc) gửi đoạn video đến tài khoản messenger “Hung Trieu” do chị Tạ Thị Kim O (là vợ của anh H1) sử dụng. Sau đó đoạn video trên bị phát tán nên nhiều người là

người quen, bạn bè của chị T biết làm chị T cảm thấy xấu hổ, bị ảnh hưởng nhiều trong quan hệ gia đình, xã hội. Do đó chị T làm đơn tố cáo vợ chồng anh Đ2 và những người liên quan về hành vi phát tán video khỏa thân của chị T làm nhục chị T.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện L tiến hành tạm giữ: 01 điện thoại Galaxy A7 của chị Lưu Thị T; 01 điện thoại OPPO màu đen của anh Tạ Minh Đ2; 01 điện thoại OPPO màu trắng bạc, 01 điện thoại Samsung màu xanh của Trần Thị S; 01 điện thoại OPPO màu đỏ của chị Nguyễn Thị L; 01 điện thoại OPPO màu bạc của chị Trần Thị D; 01 điện thoại OPPO màu bạc, 01 điện thoại OPPO màu xanh của Nguyễn Văn N; 01 điện thoại Samsung màu đen của chị Tạ Thị Kim O; 01 điện thoại OPPO màu bạc của anh Trần Văn T2; 01 điện thoại OPPO màu đen của anh Lưu Quốc T3; 01 điện thoại Iphone màu hồng của anh Lưu Văn Q; 01 điện thoại OPPO màu đen của anh Lưu Đình N2; 01 điện thoại Samsung màu bạc của anh Triệu Văn H2 để phục vụ công tác giám định.

Kết luận giám định số 3781 ngày 23/8/2022 của V1, Bộ C kết luận: Hình ảnh người phụ nữ trong tệp tin video cần giám định và hình ảnh người phụ nữ trong mẫu so sánh (ảnh của chị Lưu Thị T) là cùng một người.

Kết luận giám định ngày 19/9/2022 của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh V kết luận: Tổng số hình ảnh được giám định: 01 tệp video hình ảnh, cụ thể: Tệp video có tên “Video c Lưu Thị T.mp4” dung lượng 5,59MB, thời lượng 01 phút 55 giây... ghi lại hình ảnh 01 người phụ nữ khỏa thân đang vệ sinh cá nhân; Đối chiếu với các quy định hiện hành về văn hóa, phòng chống mại dâm, các hình ảnh có nội dung như trên không có tính chất khiêu dâm, đồi trụy. Nếu phát tán các hình ảnh thể hiện hình ảnh người phụ nữ khỏa thân như trên có ảnh hưởng tiêu cực đến trật tự an toàn xã hội.

Kết luận giám định số 7284 ngày 05/01/2023 của V1 kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh file video mẫu cần giám định.

Giám định tâm thần đối với Trần Thị S và chị Lưu Thị T: Ngày 29-30/5/2023 Cơ quan CSĐT công an huyện L ra Quyết định trưng cầu giám định số 156 trưng cầu Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc giám định tâm thần đối với chị Lưu Thị T và Trần Thị S. Chị T xác định sau khi sự việc xảy ra tuy tâm lý xấu hổ và bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhưng không có biểu hiện rối loạn tâm thần và hành vi nên từ chối giám định tâm thần.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, chị Lưu Thị T yêu cầu các bị cáo bồi thường về danh dự và tổn thất tinh thần cho chị T theo quy định pháp luật. Các bị cáo Trần Thị S và Nguyễn Văn N đồng ý bồi thường cho chị T theo quy định pháp luật, mỗi bị cáo đã tự nguyện nộp tại Cơ quan điều tra số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường cho chị T.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 76/2023/HS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị S và Nguyễn Văn N phạm tội “Làm nhục người khác”.

Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 155; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Trần Thị S 11 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 10 năm 2023, bị hại Lưu Thị T có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Trần Thị S và Nguyễn Văn N; ngày 03 tháng 10 năm 2023, các bị cáo Trần Thị S và Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại Lưu Thị T và bị cáo Nguyễn Văn N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị hại Lưu Thị T và bị cáo Trần Thị S; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch đối với bị cáo Trần Thị S; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N; giảm hình phạt và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 06 tháng đến 07 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị hại Lưu Thị T và các bị cáo Trần Thị S, Nguyễn Văn N trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét.

[2] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa thẩm các bị cáo Trần Thị S và Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn và những tài liệu chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật; từ đó có đủ căn cứ để xác định: Xuất phát từ việc nghi ngờ anh Tạ Minh Đ2 (là chồng của bị

cáo Trần Thị S) với bị hại Lưu Thị T có quan hệ bất chính nên sau khi phát hiện 01 video trong máy của anh Tạ Minh Đ2 có nội dung quay cảnh bị hại Lưu Thị T đang khóa thân trong nhà tắm. Bị cáo Trần Thị S đã tự chuyển video trên từ máy của anh Đ2 sang máy của bị cáo qua ứng dụng Zalo với mục đích làm nhục bị hại Lưu Thị Tuyết . Sau đó đến ngày 30/5/2022, bị cáo S đã chuyển đoạn video trên cho chị Nguyễn Thị L (là chị dâu của bị hại T) qua ứng dụng M và chuyển cho chị Trần Thị D (là em gái của S) qua ứng dụng Zalo. Sau khi nhận được đoạn video trên, chị Trần Thị D nói chuyện với Nguyễn Văn N (là chồng của D) về việc S ghi nhử anh Đ2 với T có quan hệ bất chính. Đến buổi tối cùng ngày, Nguyễn Văn N tự ý dùng điện thoại của chị Trần Thị D để xem và chuyển video trên sang máy của N qua ứng dụng Zalo. Đến khoảng 16 giờ ngày 31/5/2022, Nguyễn Văn N cho anh Triệu Văn H1 xem đoạn video trên và chuyển đoạn video trên cho anh H1 qua ứng dụng Messenger. Sau đó đoạn video trên bị phát tán rộng nên nhiều người là người quen, bạn bè của bị hại Lưu Thị T biết làm bị hại Tuyết lo sợ, bị xấu hổ đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống.

Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo, bị hại và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Thị S và Nguyễn Văn N về tội “Làm nhục người khác” theo Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai.

Về tính chất của vụ án là tội phạm ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng, phòng ngừa chung, phục vụ tốt nhiệm vụ giữ vững an ninh trật tự tại địa phương và làm gương cho người khác.

[3] Xét về kháng cáo của bị hại Lưu Thị T và kháng cáo của các bị cáo Trần Thị S, Nguyễn Văn N; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện tội phạm; căn cứ vào nhân thân của các bị cáo; hậu quả xảy ra và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Trần Thị S 11 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 09 tháng tù là có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật, tương xứng với hành vi do bị cáo thực hiện. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bị cáo Trần Thị S đã khai báo rõ hành vi đã thực hiện nhưng chưa thực sự ăn năn hối cải với hành vi đã thực hiện, thể hiện ở việc bị cáo biết rõ bị hại T kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo nhưng vẫn không chịu đến xin lỗi bị hại mà còn có hành vi gây căng thẳng đó là thách thức, chửi bới bị hại. Vì vậy hình phạt 11 tháng tù do Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đối với bị cáo Nguyễn Văn N không có mâu thuẫn, thù ghét gì với bị hại T, vì không lường trước được hậu quả xảy ra đã chuyển hình ảnh nhạy cảm của bị hại T cho người khác xem nên phải chịu trách nhiệm với hành vi gây ra. Quá trình giải quyết phúc thẩm bị cáo thực sự tỏ ra ăn năn hối cải đã tự nguyện đến gia đình bị hại xin lỗi bị hại và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn tha thiết xin bị hại, gia

đình bị hại bỏ qua lỗi lầm để có cơ hội chăm sóc gia đình. Đây là tình tiết mới để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt tù đối với bị cáo cho phù hợp quy định của pháp luật. Xét thấy các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác hiện nay ngày càng diễn biến phức tạp, gây nhiều hậu quả xấu trong xã hội nên cần xử phạt nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện tội phạm, nhân thân và hậu quả xảy ra để áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo Trần Thị S và Nguyễn Văn N là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết phúc thẩm bị hại Lưu Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì phục vụ cho yêu cầu kháng cáo. Do vậy yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của các bị cáo và kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của bị hại không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị S và kháng cáo của bị hại Lưu Thị T; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N để giảm hình phạt tù cho bị cáo là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Thị S phải chịu án phí; yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo Nguyễn Văn N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị S và kháng cáo của bị hại Lưu Thị T; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N; sửa một phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số: 76/2023/HSST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị S và Nguyễn Văn N phạm tội “Làm nhục người khác”.

Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 155; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Thị S 11 (mười một) tháng tù về tội “Làm nhục người khác”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm nhục người khác”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Bị cáo Trần Thị S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc
- Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch;
- Công an huyện Lập Thạch;
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng HC-TP, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Sơn

